

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HS-ST
Ngày 29-5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 5 năm 2023 đối với:

Bị cáo Phạm Thị T sinh ngày 21/11/1974, tại xã V, huyện G, tỉnh Hải Dương; cư trú tại: thôn B, xã S, thị xã R, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Phú B, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1944 (ông B và bà T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất); chồng (đã ly hôn); con: có 2 con, sinh năm 1996 và 2002;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Bản án số 32/2020/HS-ST, ngày 27/3/2020, Tòa án nhân dân huyện L, Thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong thời gian thử thách ngày 27/9/2021, thi hành xong nghĩa vụ thi hành án dân sự ngày 23/7/2020.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/4/2023 đến ngày 29/4/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị C, sinh ngày 13/4/1942

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện P, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1996

Địa chỉ: Phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

- Anh Đỗ Thế X, sinh năm 1978

- Anh Lê Đình T2, sinh năm 1975

- Ông Nguyễn Trọng V, sinh năm 1969

Đều địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, bà C; vắng mặt anh L, anh X, anh T2 và ông V)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ, ngày 26/4/2023, Phạm Thị T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, biển số 34B4-986.13, đi mua bánh gai ở khu vực xã V, huyện G, tỉnh Hải Dương. Trên đường đi, T rẽ vào cây xăng gần trường Trung học phổ thông huyện G để tiếp nhiên liệu. Tại đây, T nghe nói ở bên đò xã K, huyện P, tỉnh Thái Bình có bà Nguyễn Thị C biết xem bói, viết số hay nên đã hỏi đường đến nhà bà C. Khoảng 13 giờ cùng ngày, vào sân thấy bà C ở nhà một mình, ngồi trước cửa, T dựng xe hỏi “*Có phải bà C viết số, xem bói không?*”. Bà C đáp “*Đúng rồi, nhưng tôi chỉ viết số, chứ không xem bói!*” rồi hỏi “*Có viết số không?*”. T đáp “*Có*”. Cả hai ngồi nói chuyện một lúc, thì bà C mời T vào nhà. T mở cốp xe mô tô, lấy từ trong túi xách giả da màu trắng sữa ra tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng theo bà C vào nhà. T đưa cho bà C tờ tiền 500.000 đồng, đề nghị bà C đổi T tiền lẻ. Bà C đồng ý, lấy ở đầu giường ngủ túi vải hoa có dây buộc đỏ cất tờ tiền 500.000 đồng T đưa, đồng thời lấy ra 10 tờ tiền 50.000 đồng đổi trả cho T, rồi để túi tiền ở đầu giường, đi ra bàn chuẩn bị viết số. Lúc bà C lấy tiền đổi T thấy trong túi vải có nhiều tiền đã nảy sinh ý định trộm cắp. Lợi dụng bà C mãi viết số, T tiến lại sát đầu giường, nhanh chóng cầm túi tiền bằng tay phải, rồi chuyển sang tay trái giấu dưới tay áo (áo chống nắng) rồi đứng nói với bà C có việc phải ra ngoài lát quay lại. T đi nhanh ra sân, khởi động xe máy dờ đi. Bà C đứng dậy lại đầu giường phát hiện túi tiền bị mất đã chạy ra sân hô “*Ồi làng nước ơi nó cướp tiền của tôi rồi*”. Nghe bà C hô, anh Đỗ Thế Xô, ông Lê Đình T2 và anh Nguyễn Trọng V ra đường thấy T điều khiển xe mô tô bỏ chạy liền lấy xe mô tô của gia đình đuổi theo tới đoạn đê thuộc thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương thì cả ba anh bắt giữ được T cùng túi tiền cầm ở tay trái. Các anh đã đưa T và xe mô tô biển số 34B4 - 986.13 về nhà bà C báo Công an xã K, huyện P. Tại đây, trước sự có mặt của những người chứng kiến, Công an xã K đã kiểm tra túi tiền có 7.110.000 đồng, đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý 01 túi vải và số tiền chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ của T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, biển số 34B4 - 986.13 cùng giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Hoàng L; 01 túi xách giả da màu trắng sữa bên trong có căn cước công dân mang tên Phạm Thị T và số tiền 500.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 14A/KL-HĐĐGTS ngày 10/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P, tỉnh Thái Bình: “01 (một) túi vải hoa, có dây thắt màu đỏ, mua và sử dụng tháng 5/2013 có giá 0 đồng”.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa bị hại bà Nguyễn Thị C khai: Khoảng 13 giờ ngày 26/4/2023, bị cáo đến nhờ bà viết giấy sớ. Bị cáo có đổi cho bà 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng để lấy tiền lẻ. Bà cầm tiền và ra đầu giường ngủ lấy tiền trong túi vải hoa, đưa cho bị cáo 10 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, rồi đưa cất vào túi vải hoa, để ở đầu giường và ra bàn ngồi viết sớ. Do thấy bà mãi viết sớ nên bị cáo đã ra đầu giường lấy túi vải bên trong đựng số tiền 7.110.000 đồng, ra ngoài nổ máy đi. Bà phát hiện ra mất tiền nên bà đã ra sân hô hoán, mọi người đuổi theo và yêu cầu bị cáo về nhà bà. Bà đã nhận lại số tiền bị mất 7.110.000 đồng và túi vải hoa. Bà không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào. Về trách nhiệm hình sự bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định truy tố theo thủy tục rút gọn số 01/QĐ-VKSQP ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình truy tố Phạm Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phạm Thị T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Thị T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/4/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự và về vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đều thừa nhận do thiếu tiền chi tiêu nên bị cáo đã trộm cắp tài sản. Bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 26/4/2023 tại nhà ở của bà Nguyễn Thị C ở thôn Đại Đồng, xã K, huyện P, tỉnh Thái Bình, bị cáo Phạm Thị T đã có hành vi trộm cắp của bà C 01 túi vải hoa trong đó có số tiền 7.110.000 đồng (*Bảy triệu một trăm mười nghìn đồng*), ở đầu giường ngủ, đã bị phát hiện, bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

g) Tái phạm nguy hiểm.

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”,

Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ truy tố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, để có tiền chi tiêu, bị cáo không chịu lao động mà lại trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh, giữa ban ngày, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có bố mẹ để được tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị hại - bà C là người trên 70 tuổi nhưng mục đích phạm tội của bị cáo là trộm cắp là tài sản của bị hại, không có mục đích xâm phạm sức khỏe, tính mạng của bị hại nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát để áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội đối với người từ đủ 70 tuổi trở lên*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại thực hiện hành vi phạm tội, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Từ những nhận định nêu trên nên về hình phạt áp dụng đối với bị cáo như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ cho thấy bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị C đã nhận lại tài toàn bộ sản bị mất, bà không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất kỳ khoản tiền nào nên về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 Túi vải hoa có dây buộc đỏ đựng số tiền 7.110.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bà C là đúng pháp luật.

Túi xách giả da màu trắng sữa bên trong có căn cước công dân mang tên Phạm Thị T và số tiền 500.000 đồng là của bị cáo T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho bị cáo qua người được bị cáo ủy quyền là anh Nguyễn Hoàng L (con trai bị cáo) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, biển số 34B4 - 986.13 và giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe là của anh Nguyễn Hoàng L cho bị cáo T mượn để đi lại. Quá trình điều tra xác định anh L không biết việc bị cáo T sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài sản, trả lại cho anh L quản lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định là phù hợp với khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/4/2023.
3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.
4. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.
5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm
6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 bị cáo Phạm Thị T và bị hại bà Nguyễn Thị C có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Thái Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp Thái Bình;
- UBND xã S, thị xã R, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)